HB4757

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA HY LẠP

VỀ

MIỄN THỊ THỰC CHO NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU NGOẠI GIAO

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Hy Lạp, sau đây gọi là "các Bên",

Với mong muốn tăng cường quan hệ song phương,

Với mong muốn tăng cường quan hệ hữu nghị giữa hai nước và tạo điều kiện cho việc đi lại của công dân hai nước mang hộ chiếu ngoại giao,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

1. Công dân Hy Lạp mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị, không phải là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước Cộng hòa Hy Lạp tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc phái đoàn đại diện của nước Cộng hòa Hy Lạp tại tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được miễn thị thực khi nhập cảnh, quá cảnh, cư trú và xuất cảnh lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời hạn 90 ngày (trong một hoặc nhiều lần) trong vòng 180 ngày kể từ lần nhập cảnh đầu tiên.

2. Công dân Việt Nam mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị, không phải là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước Cộng hòa Hy Lạp hoặc phái đoàn đại diện của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ của nước Cộng hòa Hy Lạp, được miễn thị thực khi nhập cảnh, quá cảnh, cư trú và xuất cảnh lãnh thổ nước Cộng hòa Hy Lạp trong thời hạn 90 ngày (trong một hoặc nhiều lần) trong vòng 180 ngày kể từ lần nhập cảnh đầu tiên vào khu vực Schengen.

3. Việc thực hiện các hoạt động sinh lời mà theo luật pháp quốc gia của các Bên phải có giấy phép lao động là không được phép.

Điều 2

1. Hiệp định này không miễn cho công dân của một Bên, mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị, là thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Bên đó trên lãnh thổ Bên kia hoặc phái đoàn đại diện của Bên này tại tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ của Bên kia, nghĩa vụ xin thị thực trước khi đến lãnh thổ Bên kia.

2. Hiệp định này không miễn cho thành viên gia đình những người nêu tại khoản 1 Điều này sống cùng một hộ và mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị nghĩa vụ xin thị thực trước khi đến lãnh thổ Bên kia.

3. Nước tiếp nhận cấp thị thực nêu tại khoản 1 và 2 theo quy định pháp luật quốc gia của nước mình.

Điều 3

Các cá nhân nêu tại Điều 1 và Điều 2 Hiệp định này được nhập cảnh, quá cảnh và xuất cảnh lãnh thổ Bên kia qua các cửa khẩu quốc tế dành cho khách quốc tế.

Điều 4

Hiệp định này không ảnh hưởng đến nghĩa vụ tôn trọng pháp luật Nước tiếp nhận của các cá nhân nêu tại Điều 1 và Điều 2 nêu trên.

Điều 5

Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền của các cơ quan chức năng của mỗi Bên từ chối nhập cảnh hoặc cấm cư trú đối với bất kỳ người nào bị tuyên bố là không được hoan nghênh hoặc không đáp ứng các điều kiện hiện hành về nhập cảnh và cư trú trên lãnh thổ nước mình.

Điều 6

1. Các Bên trao đổi mẫu hộ chiếu ngoại giao trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng giữa các Bên, qua đường ngoại giao, về việc hoàn tất các thủ tục nội bộ có liên quan theo quy định tại Điều 10.

2. Nếu một Bên sửa đổi mẫu hộ chiếu ngoại giao hiện hành hoặc giới thiệu mẫu hộ chiếu ngoại giao mới, thì phải cung cấp ngay lập tức qua đường ngoại

giao mẫu các hộ chiếu này cho Bên kia. Các Bên sẽ áp dụng các tiêu chuẩn đối với giấy tờ đi lại đọc được bằng máy theo khuyến nghị của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO).

3. Các Bên sẽ thông báo cho nhau ngay lập tức về việc thay đổi pháp luật quốc gia liên quan đến việc cấp hộ chiếu ngoại giao.

4. Trong trường hợp hộ chiếu ngoại giao bị mất, bị đánh cắp hoặc bị hủy giá trị, các Bên phải thông báo cho nhau không chậm trễ qua đường ngoại giao.

Điều 7

1. Mỗi Bên có quyền đình chỉ việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần Hiệp định này vì lý do an ninh, trật tự xã hội và sức khỏe cộng đồng.

2. Mỗi Bên phải được thông báo bằng văn bản về việc đình chỉ việc thực hiện Hiệp định này của Bên kia qua đường ngoại giao, không chậm hơn 15 ngày trước khi quyết định đình chỉ có hiệu lực.

3. Việc đình chỉ thực hiện Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền của công dân các Bên được quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Hiệp định này đang có mặt trên lãnh thổ của Bên kia.

4. Bên quyết định đình chỉ việc thực hiện Hiệp định này phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia qua đường ngoại giao việc hủy bỏ quyết định đình chỉ không chậm hơn 72 giờ trước khi việc hủy bỏ này có hiệu lực.

Điều 8

Hiệp định này có thể được sửa đổi, bổ sung thông qua thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên. Văn bản sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực theo thủ tục được quy định tại Điều 10 của Hiệp định.

Điều 9

Mọi bất đồng liên quan đến việc giải thích và thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết giữa các Bên qua đường ngoại giao.

Điều 10

Hiệp định này có hiệu lực sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản sau cùng của Bên này thông báo cho Bên kia qua đường ngoại giao về việc đã hoàn tất các thủ tục nội bộ cần thiết. Hiệp định này có hiệu lực cho đến khi

một Bên hủy bỏ Hiệp định bằng thông báo bằng văn bản cho Bên kia trước 3 tháng qua đường ngoại giao.

Làm tại .Athens.., ngày 02 tháng 07 năm 2018 thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Hy Lạp và tiếng Anh; các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng để đối chiếu.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA HY LẠP**
PHÓ THỦ TƯỚNG	
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM	BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO NƯỚC CH HY LẠP

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE HELLENIC REPUBLIC

ON

EXEMPTION FROM VISA REQUIREMENT FOR HOLDERS OF VALID DIPLOMATIC PASSPORTS

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Hellenic Republic, hereinafter referred to as "the Parties",

Desiring to intensify their bilateral relations,

Considering their interest in strengthening their existing friendly relations and with a view to facilitating travel of nationals of the one Party, holders of valid diplomatic passports, to the territory of the other Party,

Have agreed as follows:

Article 1

(1) Greek nationals holding valid Greek diplomatic passports, who are not appointed to the diplomatic mission or consular posts of the Hellenic Republic in the Socialist Republic of Viet Nam or who are not representatives of the Hellenic Republic to international organizations having their seat in the territory of the Socialist Republic of Viet Nam, shall be exempt from the visa requirement to enter, transit through, stay in and leave the territory of the Socialist Republic of Viet Nam for up to ninety (90) days (in one or several periods) in any hundred and eighty (180) days period, beginning on the day of arrival.

(2) Vietnamese nationals holding valid Vietnamese diplomatic passports, who are not appointed to the diplomatic mission or consular posts of the Socialist Republic of Viet Nam in the Hellenic Republic or who are not representatives of

the Socialist Republic of Viet Nam to international organizations having their seat in the territory of the Hellenic Republic, shall be exempt from visa requirement to enter, transit through, stay in and leave the territory of the Hellenic Republic for up to ninety (90) days (in one or several periods) in any hundred and eighty (180) days period, following the date of the first entry into the territory of one of the signatories to the Schengen Agreement.

(3) The exercise of paid activities, for which a work permit is required under the national legislation of the Parties, is not permitted.

Article 2

(1) This Agreement does not exempt nationals of either Party, holders of valid diplomatic passports who are appointed to the diplomatic mission or consular posts of that Party to the territory of the other Party or are representatives of that Party to international organizations having their seat in the territory of the other Party from the requirement to obtain a visa for accreditation by the receiving State prior to their arrival at its territory.
(2) This Agreement does not exempt the family members of the persons mentioned in paragraph 1, who form part of their household and are holders of valid diplomatic passports, from the requirement to obtain a visa by the receiving State prior to their arrival at its territory.

(3) The receiving State shall issue the visas mentioned in paragraphs 1 and 2 in accordance with its national legislation.

Article 3

The individuals mentioned in Articles 1 and 2 of this Agreement may enter, transit through and leave the territory of the State of the other Party at all border crossing points open to international passenger traffic.

Article 4

This Agreement shall not affect the obligation of the individuals referred to in Article 1 and 2 above to respect the laws of the receiving State.

Article 5

This Agreement shall not affect the right of the competent authorities of either Party to refuse entry or prohibit the stay to those persons declared undesirable or

who fail to meet the conditions in force for entry and residence in the territory of their States.

Article 6

(1) The Parties shall exchange specimens of their diplomatic passports through diplomatic channels within thirty (30) days after the date of receipt of the last written notification by which a Party informs the other, through diplomatic channels, about the completion of its relevant internal procedures in accordance with Article 10.

(2) If a Party modifies its existing diplomatic passports or introduces new diplomatic passports, it shall provide the other Party, without delay through diplomatic channels, with specimens of these documents. The Parties shall apply the standards for machine-readable travel documents recommended by the International Civil Aviation Organization (ICAO).

(3) The Parties shall notify each other without delay of any changes in their national legislation regarding the issuance of diplomatic passports.

(4) In the case of loss, theft or invalidation of a diplomatic passport, the Parties shall notify each other without delay, through diplomatic channels.

Article 7

(1) Either Party may suspend, either in whole or in part, the implementation of this Agreement for reasons of national security, public order or public health.

(2) The other Party shall be notified in writing of the suspension of the implementation of this Agreement through diplomatic channels, no later than 15 calendar days prior to the entry into effect of such measure.

(3) The suspension of the implementation of this Agreement shall not affect the rights of nationals of either Party mentioned in Articles 1 and 2 of this Agreement already present in the territory of the State of the other Party.

(4) The Party that has suspended the implementation of the Agreement shall notify the other Party in writing through diplomatic channels of the revocation of the suspension of the implementation of the Agreement, no later than seventy-two (72) hours prior to entry into effect of such measure.

Article 8

This Agreement may be amended by mutual written consent of the Parties. Any amendments shall enter into force in accordance with the procedure provided for in Article 10 for the entry into force of the Agreement.

Article 9

Any differences regarding the interpretation or the application of this Agreement shall be settled between the Parties through diplomatic channels.

Article 10

This Agreement shall enter into force thirty (30) days after the date of receipt of the last written notification by which a Party informs the other, through diplomatic channels, about the completion of its relevant internal procedures. It shall remain in force until terminated by either Party upon a three - month prior written notice to the other Party through diplomatic channels.

Done at Athens, on 02/07/ 2018, in two originals, each in the Vietnamese, Greek and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence in the interpretation the English text shall prevail.

For the Government of the Socialist Republic of Viet Nam	**For the Government of the Hellenic Republic**
PHAM BINH MINH	NIKOS KOTZIAS

ΣΥΜΦΩΝΙΑ

ΜΕΤΑΞΥ ΤΗΣ ΚΥΒΕΡΝΗΣΗΣ ΤΗΣ ΕΛΛΗΝΙΚΗΣ ΔΗΜΟΚΡΑΤΙΑΣ

ΚΑΙ

ΤΗΣ ΚΥΒΕΡΝΗΣΗΣ ΤΗΣ ΣΟΣΙΑΛΙΣΤΙΚΗΣ ΔΗΜΟΚΡΑΤΙΑΣ ΤΟΥ ΒΙΕΤΝΑΜ

ΓΙΑ ΤΗΝ ΑΠΑΛΛΑΓΗ ΥΠΟΧΡΕΩΣΗΣ ΘΕΩΡΗΣΕΩΣ ΕΙΣΟΔΟΥ

ΓΙΑ ΤΟΥΣ ΚΑΤΟΧΟΥΣ ΕΝ ΙΣΧΥ ΔΙΠΛΩΜΑΤΙΚΩΝ ΔΙΑΒΑΤΗΡΙΩΝ

Η ΚΥΒΕΡΝΗΣΗ ΤΗΣ ΣΟΣΙΑΛΙΣΤΙΚΗΣ ΔΗΜΟΚΡΑΤΙΑΣ ΤΟΥ ΒΙΕΤΝΑΜ ΚΑΙ Η ΚΥΒΕΡΝΗΣΗ ΤΗΣ ΕΛΛΗΝΙΚΗΣ ΔΗΜΟΚΡΑΤΙΑΣ, Από τούδε και στο εξής αποκαλούμενα «τα Μέρη»,

Επιθυμώντας την εντατικοποίηση των διμερών τους σχέσεων,

Λαμβάνοντας υπόψη το κοινό τους συμφέρον για την ενίσχυση των υπαρχουσών φιλικών σχέσεων και με στόχο τη διευκόλυνση του ταξιδίου για υπηκόους του ενός Μέρους, κατόχους εν ισχύ διπλωματικών διαβατηρίων, στην επικράτεια του άλλου Μέρους,

Συμφώνησαν τα ακόλουθα:

Άρθρο 1

(1) Έλληνες υπήκοοι, κάτοχοι εν ισχύ Ελληνικών διπλωματικών διαβατηρίων, οι οποίοι δεν τοποθετούνται σε διπλωματική αποστολή ή προξενικές αρχές της Ελληνικής Δημοκρατίας στην Σοσιαλιστική Δημοκρατία του Βιετνάμ ή δεν αποτελούν εκπροσώπους της Ελληνικής Δημοκρατίας σε διεθνείς οργανισμούς με έδρα στην επικράτεια της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, θα εξαιρούνται από την υποχρέωση έκδοσης θεώρησης εισόδου για την είσοδο, διέλευση ,παραμονή και αναχώρηση από την επικράτεια της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ έως ενενήντα (90) ημερών (σε μία ή περισσότερες περιόδους) σε οποιαδήποτε περίοδο εκατόν ογδόντα (180) ημερών, οποίες εκκινούν από την ημέρα άφιξης.

(2) Βιετναμέζοι υπήκοοι, κάτοχοι εν ισχύ Βιετναμέζικων διπλωματικών διαβατηρίων, οι οποίοι δεν τοποθετούνται σε διπλωματική αποστολή ή προξενικές αρχές της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ στην Ελληνική Δημοκρατία ή δεν αποτελούν εκπροσώπους της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ σε διεθνείς οργανισμούς με έδρα στην επικράτεια της Ελληνικής Δημοκρατίας, θα εξαιρούνται από την υποχρέωση έκδοσης θεώρησης εισόδου για την είσοδο,

διέλευση, παραμονή και αναχώρηση από την επικράτεια της Ελληνικής Δημοκρατίας έως ενενήντα (90) ημερών (σε μία ή περισσότερες περιόδους) σε οποιαδήποτε περίοδο εκατόν ογδόντα (180) ημερών, οποίες εκκινούν από την ημέρα άφιξης.

(3) Η εξάσκηση επ' αμοιβή δραστηριοτήτων για τις οποίες απαιτείται άδεια εργασίας σύμφωνα με την εθνική νομοθεσία των Μερών δεν επιτρέπεται.

Άρθρο 2

(1) Η παρούσα Συμφωνία δεν εξαιρεί τους υπηκόους αμφοτέρων των Μερών, κατόχους εν ισχύ διπλωματικών διαβατηρίων οι οποίοι τοποθετούνται στην διπλωματική αποστολή ή προξενικές αρχές αυτού του Μέρους στην επικράτεια του άλλου Μέρους ή είναι αντιπρόσωποι αυτού του Μέρους σε διεθνείς οργανισμούς οποίοι έχουν την έδρα τους στην επικράτεια του άλλου Μέρους από την υποχρέωση απόκτησης θεώρησης εισόδου για διαπίστευση από το Κράτος υποδοχής πριν την άφιξή τους στην επικράτειά του.

(2) Η παρούσα Συμφωνία δεν εξαιρεί τα μέλη της οικογένειας των ατόμων που αναφέρθηκαν στην παράγραφο 1, που αποτελούν μέλη της οικογένειας τους και είναι κάτοχοι εν ισχύ διπλωματικών διαβατηρίων, από την υποχρέωση απόκτησης θεώρησης εισόδου από το Κράτος υποδοχής πριν την άφιξή τους στην επικράτεια του.

(3) Το Κράτος υποδοχής θα εκδώσει τις θεωρήσεις εισόδου που αναφέρονται στις παραγράφους 1 και 2 σύμφωνα με την εθνική του νομοθεσία.

Άρθρο 3

Τα άτομα που αναφέρονται στα Άρθρα 1 και 2 της παρούσας Συμφωνίας δύνανται να εισέλθουν, διέλθουν και εγκαταλείψουν την επικράτεια του Κράτους του άλλου Μέρους από όλα τα συνοριακά σημεία ελέγχου ανοιχτά σε διεθνή επιβατική κίνηση.

Άρθρο 4

Η παρούσα Συμφωνία δεν θα επηρεάσει την υποχρέωση των ατόμων που αναφέρονται στα Άρθρα 1 και 2 να σέβονται τους νόμους του Κράτους υποδοχής.

Άρθρο 5

Η παρούσα Συμφωνία δεν θα επηρεάσει το δικαίωμα των αρμοδίων αρχών αμφοτέρων των Μερών να αρνηθούν την είσοδο ή απαγορεύσουν την παραμονή σε εκείνα τα άτομα που κηρύχθηκαν ανεπιθύμητα ή τα οποία αποτυγχάνουν να πληρώσουν τους εν ισχύ όρους εισόδου και παραμονής στην επικράτεια αμφοτέρων των Κρατών.

Άρθρο 6

(1) Τα Μέρη θα ανταλλάξουν δείγματα των διπλωματικών τους διαβατηρίων μέσω διπλωματικών διαύλων εντός τριάντα (30) ημερών μετά την λήψη της τελευταίας έγγραφης ενημέρωσης με την οποία ένα Μέρος ενημερώνει το άλλο, μέσω διπλωματικών διαύλων, σχετικά με την ολοκλήρωση της σχετικής εσωτερικής διαδικασίας σύμφωνα με το Άρθρο 10.

(2) Εάν ένα Μέρος τροποποιήσει τα υπάρχοντα διπλωματικά του διαβατήρια ή εκδώσει νέα διπλωματικά διαβατήρια, θα πρέπει να παράσχει στο άλλο Μέρος, χωρίς καθυστέρηση μέσω διπλωματικών διαύλων,

(3) δείγματα αυτών των εγγράφων. Τα Μέρη θα πρέπει να εφαρμόζουν τα πρότυπα για μηχανικά αναγνωριζόμενα ταξιδιωτικά έγγραφα που συνιστώνται από το Διεθνή Οργανισμό Πολιτικής Αεροπορίας (ICAO).

(4) Τα Μέρη θα πρέπει να ενημερώσουν αμφότερα χωρίς καθυστέρηση για οποιεσδήποτε αλλαγές στην εθνική τους νομοθεσία αναφορικά με την έκδοση διπλωματικών διαβατηρίων.

(5) Σε περίπτωση απώλειας, κλοπής ή ακύρωσης διπλωματικού διαβατηρίου, αμφότερα τα Μέρη θα πρέπει να ενημερώσουν αμφότερα χωρίς καθυστέρηση, μέσω διπλωματικών διαύλων.

Άρθρο 7

(1) Αμφότερα τα Μέρη δύνανται να αναστείλουν, είτε καθ' ολοκληρία είτε μερικώς, την εφαρμογή της παρούσας Συμφωνίας για λόγους εθνικής ασφάλειας, δημόσιας τάξης ή δημόσιας υγείας.

(2) Το έτερο Μέρος θα πρέπει να ενημερωθεί γραπτά για την αναστολή εφαρμογής αυτής της Συμφωνίας μέσω διπλωματικών διαύλων, όχι αργότερα από 15 ημερολογιακές ημέρες προ της έναρξης ισχύος τέτοιου μέτρου.

(3) Η αναστολή εφαρμογής αυτής της Συμφωνίας δεν θα πρέπει να επηρεάζει τα δικαιώματα των υπηκόων αμφοτέρων των Μερών που αναφέρονται στα Άρθρα 1 και 2 αυτής της Συμφωνίας οποίοι ήδη ευρίσκονται στην επικράτεια του Κράτους του άλλου Μέρους.

(4) Το Μέρος που έχει αναστείλει την εφαρμογή της Συμφωνίας θα πρέπει να ενημερώσει το άλλο Μέρος γραπτώς μέσω διπλωματικών διαύλων για την ανάκληση της εφαρμογής της Συμφωνίας, όχι αργότερα από εβδομήντα δύο (72) ώρες προ της θέσης σε ισχύ τέτοιου μέτρου.

Άρθρο 8

Αυτή η Συμφωνία μπορεί να τροποποιηθεί με αμοιβαία έγγραφη συναίνεση των Μερών. Οποιεσδήποτε τροποποιήσεις θα τεθούν σε ισχύ σύμφωνα με τη διαδικασία που ορίζεται στο άρθρο 10 για την θέση σε ισχύ της Συμφωνίας.

Άρθρο 9

Οποιεσδήποτε διαφορές σχετικά με την ερμηνεία ή την εφαρμογή αυτής της Συμφωνίας θα πρέπει να διευθετηθεί μεταξύ των Μερών μέσω διπλωματικών διαύλων.

Άρθρο 10

Αυτή η Συμφωνία θα πρέπει να τεθεί σε ισχύ τριάντα (30) ημέρες μετά την ημερομηνία λήψης της τελευταίας έγγραφης ενημέρωσης με την οποία το ένα Μέρος ενημερώνει το άλλο, μέσου της διπλωματικής οδού, για την ολοκλήρωση των σχετικών εσωτερικών διαδικασιών του. Θα πρέπει να παραμείνει σε ισχύ μέχρι να τερματισθεί από οποιοδήποτε από τα Μέρη μετά από γραπτή προειδοποίηση τριών μηνών προς το άλλο Μέρος μέσω διπλωματικών διαύλων.

Στην Αθήνα, στις 2 Ιουλίου 2018, έγινε σε δύο πρωτότυπα, το καθένα στην Ελληνική, Βιετναμέζικη και Αγγλική γλώσσα, όλα τα κείμενα θεωρούνται εξίσου αυθεντικά. Σε περίπτωση διάστασης απόψεων στην ερμηνεία, το Αγγλικό κείμενο υπερισχύει

Για την Κυβέρνηση της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ	**Για την Κυβέρνηση της Ελληνικής Δημοκρατίας**
PHAM BINH MINH	NIKOS KOTZIAS